

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm; mực nước cao nhất ngày 15/9 ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 40-100cm, mực nước thấp nhất ngày 15/9 ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 30-65cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống nhanh theo triều, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 15/9 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 30-85cm, xấp xỉ và thấp hơn từ 05-25cm so với cùng kỳ TBNN.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 15/9 ở mức và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 10-80cm, xấp xỉ và cao hơn từ 05-30cm so với TBNN. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, mực nước cao nhất và thấp nhất cao hơn từ 155-165cm so với cùng kỳ năm 2024, cao hơn cùng kỳ TBNN từ 10-15cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, lên nhanh theo triều biển Tây, mực nước cao nhất ngày 15/9 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-10cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các sông, kênh có xu thế xuống dần trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống nhanh theo triều.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch tiếp tục lên dần trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Trên sông Cái Lớn - Cái Bé, dao động theo triều biển Tây với xu thế lên chậm trong 1-2 ngày tới, sau xuống dần theo triều.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 17/9/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 15/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			16/9	17/9	18/9	19/9	20/9	16/9	17/9	18/9	19/9	20/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	278	99	-54	305	65	-43	299	294	289	285	282	272	266	261	257	253
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	179	87	-15	237	35	4	228	220	214	210	207	175	169	163	156	151
Hậu	Khánh An	420	470	520	418	89	11	420	82	12	417	412	407	403	399	414	409	404	398	393
	Châu Đốc	300	350	400	239	85	-44	271	40	-31	261	255	249	245	242	235	230	224	217	212
	Long Xuyên	190	220	250	130	73	10	208	10	19	198	190	184	180	176	124	116	108	98	93
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	191	85	-25	242	33	-7	227	218	210	204	200	188	184	180	174	166
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	276	156	16	285	164	13	283	280	277	275	273	274	271	268	265	262
	Vĩnh Gia	200	240	280	123	69	-12	126	65	-25	127	129	131	133	135	124	126	128	130	132
	Vĩnh Điều	170	200	230	104	59	23	109	48	13	110	112	114	116	118	105	107	109	111	113
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	99	42	15	102	37	11	103	105	107	109	111	100	102	104	106	108
T5	Nông Trường	160	190	220	108	46	17	110	40	11	111	113	115	117	119	109	111	113	115	117
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	155	63	-23	156	52	-26	157	159	161	163	165	156	158	160	162	164
	Cô Tô	140	180	220	142	47	6	144	41	5	145	147	149	151	153	143	145	147	149	151
	Nam Thái Sơn	90	120	150	94	29	-	95	20	-	96	98	100	102	104	95	97	99	101	103
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	113	52	-25	117	52	-29	118	120	122	124	126	114	116	118	120	122
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	148	49	7	157	44	16	158	160	162	164	166	149	151	153	155	157
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	199	80	5	212	55	8	213	215	217	219	221	200	202	204	206	208
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	133	54	-10	155	44	5	156	158	160	162	164	134	136	138	140	142
	Tân Thành	120	150	180	111	41	21	121	33	22	119	118	120	122	124	109	108	110	112	114
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	96	38	28	98	27	22	96	95	97	99	101	94	93	95	97	99
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-5	6	-5	62	15	7	63	62	61	58	55	-4	-3	-2	-1	0
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-28	-3	-11	72	3	12	79	83	81	77	73	-31	-28	-25	-21	-17

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





